

**BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỐ GẠO HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 - 2026 VÀ BỔ SUNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 66/2025/NĐ-CP NGÀY 12/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định tiếp nhận và phân bổ gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ II năm học 2025 - 2026 và bổ sung học kỳ I năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên xã, phường	Tên cơ sở giáo dục	SỐ LƯỢNG PHÂN BỐ HỌC KỲ II NĂM 2025 - 2026						SỐ LƯỢNG GẠO PHÂN BỐ, BỔ SUNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026				TỔNG CỘNG SỐ GẠO ĐƯỢC PHÂN BỐ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025 - 2026	Ghi chú
			Số lượng HS bán trú, HV bán trú và học sinh dân tộc nội trú	Số tháng hỗ trợ	Số kg gạo hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo được hỗ trợ	Số gạo tồn HKI năm học 2025 - 2026 (do HS nghỉ học và chuyển trường)	Tổng số gạo nhận HK II năm 2025 - 2026	Số lượng HS bán trú, HV bán trú và học sinh dân tộc nội trú	Số tháng hỗ trợ	Số kg gạo hỗ trợ/tháng	Tổng số gạo bổ sung học kỳ I		
A	B	C	1	2	3	4=1x2x3	5	6=4-5	7	8	9	10=7x8x9	11=6+10	12
1	Xã Xuân Định	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Điều Xiềng	282	5	15	21.150		21.150	283	4	15	16.980	38.130	
		Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Điều Xiềng	1	3	15	45		45				-	45	
2	Xã Phú Nghĩa	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT Bù Gia Mập	490	5	15	36.750	900	35.850	44	4	15	2.640	38.490	
		Trường THCS&THPT Võ Thị Sáu	13	4	15	780		780				-	780	
3	Xã Bù Gia Mập	Trường tiểu học Bù Gia Mập	59	4	15	3.540		3.540	3	4	15	180	3.720	
		Trường tiểu học Đăk Á	27	4	15	1.620		1.620	4	4	15	240	1.860	
		Trường THCS&THPT Đăk Mai	30	4	15	1.800		1.800	4	4	15	240	2.040	
4	Xã Tân Tiến	Trường TH&THCS Lộc An	100	4	15	6.000		6.000				-	6.000	
		Trường tiểu học Tân Tiến	46	4	15	2.760		2.760	46	4	15	2.760	5.520	
		Trường THCS&THPT Tân Tiến	1	4	15	60		60				-	60	
5	Xã Đăk Ô	Trường tiểu học Đăk Ô	117	4	15	7.020		7.020	4	5	15	300	7.320	Học sinh lớp 01 người DTTS HKI hưởng 05 tháng
		Trường tiểu học Đăk Ô	61	4	15	3.660		3.660	56	4	15	3.360	7.020	
		Trường tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	11	4	15	660		660	10	5	15	750	1.410	Học sinh lớp 01 người DTTS HKI hưởng 05 tháng
		Trường tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	108	4	15	6.480		6.480	104	4	15	6.240	12.720	

		Trường TH&THCS Trương Định	44	4	15	2.640		2.640	10	4	15	600	3.240	
		Trường THCS Đắk Ô	221	4	15	13.260		13.260	195	4	15	11.700	24.960	
		Trường trung học phổ thông Đắk Ô	15	4	15	900		900	8	4	15	480	1.380	
6	Xã Phước Sơn	Trường tiểu học Nguyễn Thái Bình				-		-	63	4	15	3.780	3.780	
		Trường tiểu học Thống Nhất				-		-	2	4	15	120	120	
		Trường tiểu học Đăng Hà				-		-	55	4	15	3.300	3.300	
		Trường THCS Thống Nhất				-		-	48	4	15	2.880	2.880	
7	Xã Lộc Quang	Trường THPT Lộc Hiệp	6	4	15	360		360	1	4	15	60	420	
8	Xã Đa Kia	Trường THPT Đa Kia	62	4	15	3.720		3.720	40	4	15	2.400	6.120	
9	Xã Hưng Thịnh	Trường PTDT Nội Trú THPT Tỉnh Đồng Nai	289	5	15	21.675	1.335	20.340				-	20.340	
10	Xã Lộc Ninh	Trường PTDT Nội Trú THCS Lộc Ninh	253	5	15	18.975	60	18.915				-	18.915	
		Trường THPT Lộc Thái	1	4	15	60		60				-	60	
		Trường THPT Lộc Ninh	3	4	15	180		180				-	180	
11	Xã Tân Phú	Trường phổ thông DTNT THCS liên huyện Tân Phú- Định Quán	271	5	15	20.325	60	20.265				-	20.265	
12	Phường Bình Long	Trường phổ thông DTNT THCS Bình Long	234	5	15	17.550	180	17.370				-	17.370	
		Trường THPT Chuyên Bình Long	2	4	15	120		120				-	120	
13	Xã Đồng Phú	Trường phổ thông DTNT THCS Đồng Phú	270	5	15	20.250	360	19.890				-	19.890	
		Trường phổ thông DTNT THCS Đồng Phú	1	2	15	30	360	330				-	330	
14	Xã Thiện Hưng	Trường phổ thông DTNT THCS Bù Đốp	263	5	15	19.725	120	19.605				-	19.605	
15	Xã Bù Đăng	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT Điều Ong	466	5	15	34.950	45	34.905				-	34.905	
16	Phường Phước Bình	Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT Bình Phước tỉnh Đồng Nai	381	5	15	28.575	615	27.960				-	27.960	
TỔNG CỘNG			4.128			295.620	4.035	291.585	980			59.010	350.595	